Họ và tên	**:**	**NGUYỄN ĐỖ VIỆT ANH**
Lớp	**:**	**K67.KTNN**
Số thứ tự	**:**	**01**

INH TẾ(HOẶC KINH DOANH Ở VIỆT NAM HIỆN..... 9
2.1. Vai trò của tri thức trong hoạt động thực tiễn..... 9
2.2. Vai trò của tri thức trong hoạt động thực tiễn phát triển kinh tế(hoặc kinh doanh) ở Việt Nam hiện nay..... 10
2.2.1. Vai trò của tri thức khoa học, công nghệ trong việc nâng cao hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế..... 10
2.2.2. Vai trò của tri thức với việc nâng cao tính cạnh tranh kinh tế..... 11
PHẦN III: KẾT LUẬN..... 13
TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 14

PHẦN I: MỞ ĐẦU

Tri thức là một trong những đối tượng nghiên cứu cốt lõi của triết học từ hàng nghìn năm nay. Từ thời cổ đại, các triết gia và nhà tư tưởng như Plato, Aristotle đến thời cận đại như Descartes, Kant, đều đã nỗ lực tìm cách lý giải bản chất, phạm vi và cách thức mà con người đạt được sự hiểu biết. Tri thức, vì vậy, không đơn thuần là một tập hợp các thông tin, mà nó là kết quả của cả một quá trình tìm tòi, suy ngẫm, trải nghiệm thực tiễn và hệ thống hóa kinh nghiệm.

Trong triết học, khái niệm tri thức được xem xét trên nhiều chiều kích, từ tri thức cảm tính (kinh nghiệm) đến tri thức lý tính (lý luận), và cả tri thức về bản chất và tồn tại của thực tại. Sự phân tích sâu sắc về tri thức chính là nền tảng cho cách thức con người nhìn nhận thế giới, và từ đó tạo ra những thay đổi lớn lao trong mọi lĩnh vực của đời sống.

Ngày nay, trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và xu thế toàn cầu hóa sâu rộng, vai trò của tri thức càng trở nên quan trọng hơn hết. Tri thức không chỉ còn dừng ở mức độ nhận thức thuần túy mà đã trở thành nguồn lực thiết yếu, một "lực lượng sản xuất trực tiếp" như Các-Mác đã dự báo, đóng góp quan trọng bậc nhất trong việc nâng cao năng lực kinh tế và phát triển xã hội của mỗi quốc gia. Nền kinh tế thế giới đang chuyển dịch mạnh mẽ sang "kinh tế tri thức", nơi mà vốn tri thức quan trọng hơn vốn tư bản hay tài nguyên thiên nhiên.

Nhận thức rõ vai trò to lớn ấy, chủ nghĩa Mác-Lênin, với nền tảng là chủ nghĩa duy vật biện chứng (CNDVBC), đã cung cấp một cơ sở lý luận khoa học và vững chắc để phân tích bản chất của ý thức (mà tri thức là hạt nhân), cũng như mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn. CNDVBC khẳng định vật chất quyết định ý thức, nhưng đồng thời nhấn mạnh tính độc lập tương đối và vai trò tác động trở lại vô cùng to lớn của ý thức đối với vật chất thông qua hoạt động thực tiễn.

Trong bối cảnh phát triển kinh tế tại Việt Nam, tri thức đã và đang thể hiện vai trò trung tâm. Chính vì vậy, việc em nghiên cứu đề tài **"Từ lập trường duy vật biện chứng để phân tích và chứng minh vai trò của tri thức trong thời đại ngày nay"** không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn mang tính cấp thiết sâu sắc về mặt thực tiễn. Bài tiểu luận sẽ đi sâu phân tích khái niệm tri thức từ góc nhìn duy vật biện chứng, làm rõ mối quan hệ giữa tri thức và thực tiễn, từ đó chứng minh những cách mà tri thức ảnh hưởng và thúc đẩy các hoạt động kinh tế (hoặc kinh doanh) tại Việt Nam, đồng thời đề xuất các giải pháp để phát huy nguồn lực vô tận này. Kết cấu đề tài gồm 2 chương:

Chương 1: Khái niệm tri thức và quan niệm của Mác-Lênin về tri thức.

Chương 2: Vai trò của tri thức trong hoạt động thực tiễn phát triển kinh tế(hoặc kinh doanh) ở Việt Nam hiện nay.

Với đề tài lần này, em chân thành cảm ơn sâu sắc đến Thầy Phạm Văn Sinh- người đã giúp đỡ em rất nhiều trong hành trình tiếp nạp kiến thức với bộ môn Triết Học. Từ những kiến thức thông qua bài giảng của Thầy đã giúp em hiểu rõ hơn sâu sắc về Triết Học- bộ môn em nghĩ rằng thực sự rất khó đối với em và cho em hiểu hơn hết về vai trò của Triết Học trong đời sống xã hội. Trong quá trình làm tiểu luận, dù đã cố gắng hết sức với sự tìm tòi và học hỏi cao nhưng do trình độ còn hạn chế nên vẫn không thể tránh khỏi những sai sót . Vì vậy, em rất mong muốn nhận được ý kiến, đóng góp của Thầy để giúp bài tiểu luận của em được hoàn thiện hơn và cũng qua đó em củng cố thêm được nhiều điều mới ở bài tiểu luận này. Một lần nữa, em xin trân trọng cảm ơn!

PHẦN II: NỘI DUNG

CHƯƠNG I: KHÁI NIỆM TRI THỨC VÀ QUAN NIỆM CỦA MÁC-LÊNIN VỀ TRI THỨC

1.1.Khái niệm tri thức

1.1.1. Khái niệm của tri thức trong đời sống kinh tế-xã hội.

Nói về tri thức, nó đã có từ rất lâu trong lịch sử để có được khẳng định chắc chắn thì không những có thể nói rằng tri thức có từ lúc con người xuất hiện và bắt đầu có tư duy. Từ thuở sơ khai trí thức được tìm thầy vào ngày nay từ những việc được chạm khắc lên những tảng đá, vách đá, xương thú, mai rùa,..... Khi có chữ viết, con người đã biết lưu trữ bằng chữ trên các đồ vật có thể viết như vải, giấy,... Đến ngày nay, với sự bùng nổ công nghệ việc lưu trữ tri thức được cải tiến hơn rất nhiều với cách mã hóa tri thức và lưu bằng các bản điện tử mang tính bảo mật cao và tính thất lạc thấp. Điều ấy đã cho con người có khả năng lưu trữ với tốc độ cao với đầy đủ các tiêu chí đáp ứng được: nhanh, đúng, đủ và tồn tại vô hạn. Không phải tự nhiên mà tri thức lại được con người chú trọng hơn bao giờ hết, cho dù ở giai đoạn lịch sử nào thì tri thức đều được con người tìm cách lưu giữ đầy đủ, chắc chắn và bền lâu nhất. Có thể ví con người bảo vệ tri thức như một 'thanh gương thần' xem nó là thứ mà rất quý báu và thiêng liêng không thể đánh mất. Trải qua thời gian dài phát triển của lịch sử, cho đến những thập kỷ gần đây tri thức và vai trò tri thức của nó đối với sự phát triển kinh tế- xã hội mới được đề cập nhiều hơn so với trước đây. Vậy tóm lại tri thức là gì?

Có rất nhiều cách định nghĩa về tri thức nhưng có thể hiểu: *"Tri thức là sự hiểu biết, sáng tạo và những khả năng, kỹ năng để ứng dụng nó(hiểu biết sáng tạo) vào việc tạo ra cái mới nhằm mục đích phát triển kinh tế-xã hội"*.

Tri thức bao gồm mọi thông tin, dữ liệu, bản vẽ, ý tưởng sáng tạo, kỹ năng, quan niệm về giá trị và các sản phẩm mang tính biểu tượng xã hội khác. Tri thức đóng vai trò quan trọng trong đời sống, kinh tế và xã hội, và tồn tại ở nhiều cấp độ khác nhau. Tri thức thông thường hình thành từ hoạt động hàng ngày của mỗi cá nhân, mang tính cảm tính, trực tiếp và rời rạc. Trong khi đó, tri thức khoa học phản ánh trình độ nhận thức sâu sắc hơn về thế giới thực tại.

1.1.2. Khái niệm tri thức theo chủ nghĩa Mác-Lênin

Trong lý luận Mác-xít về tri thức, việc xác định vai trò đặc biệt to lớn của tầng lớp này đối với đời sống chính trị chiếm một vị trí quan trọng và thu hút sự quan tâm của các nhà kinh điển. Trong bức thư gửi V.I.Daxulich, Ph.Ăngghen đã nói tới thái độ kiên quyết và lòng nhiệt tình của những người trí thức dân tộc trong việc "chặt đứt xiềng xích đang giam cầm họ", tức là nền quân chủ. Ph.Ăngghen khẳng định, "để điều hành bộ máy hành chính và toàn bộ nền sản xuất xã hội, hoàn toàn không cần những lời nói suông, mà cần những tri thức vững vàng"[C.Mác và Ph.Ăngghen, tập 22,tr.4432]

Hiểu rõ tầm quan trọng của trí tuệ nói chung đối với tiến trình phát triển và nhất là đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, V.I.Lênin cho rằng, "tri thức bao hàm không những chỉ các nhà trước tác mà thôi, mà còn bao hàm tất cả mọi người có học thức, các đại biểu của những người tự do nói chung, các đại biểu của lao động trí óc" [V.I.Lênin, tập 8, tr.372]. Quan niệm của V.I.Lênin về người trí thức cũng rất rõ ràng: "Người tri thức đầu tranh, tuyệt nhiên không phải là băng cách dùng thực lực theo lối này hay lôi khác, mà là bằng cách dùng những lý lẽ. Vũ khí của họ chính là sự hiểu biết của cá nhân họ, những năng lực của cá nhân họ, lòng tin của cá nhân họ.

Họ chỉ nhờ vào những phẩm chất cá nhân của họ, cho nên mới có thể đóng được một vai trò nào đó. Vì vậy, đôi với họ, quyên được hoàn toàn tự do biểu hiện bản chất cá nhân của mình là điều kiện đầu tiên để công tác được kết quả. Với tư cách là một bộ phận trong toàn thê, họ chỉ phục tùng toàn thế đó một cách miễn cưỡng, phục tùng vì bắt buộc, chứ không phải tự nguyện. Họ chỉ thừa nhận kỷ luật là cần thiết đối với quần chúng, chứ không phải đối với những nhân vật được lựa chọn. Dĩ nhiên là họ xếp mình vào hàng ngũ những nhân vật được lựa chọn. Dĩ nhiên là họ xếp mình vào những hàng ngũ những nhân vật được lựa chọn..." [V.I.Lênin, tập 8, tr.373].

1.2. Quan niệm của Mác-Lênin về tri thức

1.2.1. Định nghĩa tri thức

Trước khi đi sâu vào tri thức, ta cần tìm hiểu về ý thức theo quan niệm của chủ nghĩa Mác-Lênin. Theo các nhà Triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin, ý thức là hình thức phản ánh cao nhất của bộ óc người về hiện thực khách quan, qua những thành tựu mới của khoa học tự nhiên, nhất là của sinh lý học - thần kinh hiện đại. Ý thức cũng đồng thời chính là sự phản ánh năng động, sáng tạo thế giới khách quan vào bộ óc con người. Con người hình thành ý thức thông qua các hoạt động thực tiễn.

Xét đến kết cấu của ý thức, chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng: *"Ý thức là toàn bộ những hoạt động tinh thần của con người bao gồm: tri thức, tình cảm, niềm tin, tự tưởng...(tất cả chỉ tồn tại trong não người), trong đó tri thức là nhân tố cơ bán, cốt lõi nhất của ý thức"*. Do đó, có thể cho rằng tri thức cũng là ý thức, và tri thức mang những đặc trưng cơ bản của ý thức- yếu tố quan trọng nhất, là phương thức tồn tại

Tri thức là kết quả quá trình nhận thức của con người về thế: giới hiện thực, làm tái hiện trong tư tưởng những thuộc tính, những quy luật của thế giới ấy và diễn đạt chúng dưới hình thức ngôn ngữ hoặc các hệ thống ký hiệu khác. Sự hình thành và phát triển của ý thức có liên quan mật thiết với quá trình con người nhận biết và cải tạo thế giới tự nhiên. Con người tích lũy được càng nhiều tri thức thì ý thức càng cao, càng đi sâu vào bản chất sự vật và cải tạo thế giới hiệu quả hơn. Tính năng động của ý thức nhờ đó mà tăng lên. Nhấn mạnh tri thức là yếu tố cơ bản, quan trọng nhất của ý thức có nghĩa là chống lại quan điểm: giản đơn coi ý thức chỉ là tình cảm, niềm tin và ý chí. Quan điểm đó là biểu hiện chủ quan, tư duy ý chí và sự tưởng tượng chủ quan. Tri thức có nhiều loại khác nhau như tri thức về tự nhiên, về xã hội, về con người.

Tóm lại, ý thức bao gồm những yếu tố tri thức và những yếu tố tình cảm, ý chí trong sự liên hệ tác động qua lại nhưng về căn bản ý thức có nội dung tri thức và luôn hướng tới tri thức.

1.2.2. Nguồn gốc của tri thức.

1.2.2.1. Nguồn gốc tự nhiên

Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định ý thức (mà hạt nhân là tri thức) là một thuộc tính của vật chất, nhưng không phải của mọi dạng vật chất, mà chỉ là thuộc tính của một dạng vật chất có tổ chức cao nhất là bộ óc con

người. Nguồn gốc tự nhiên là tiền đề vật chất, điều kiện cần cho sự ra đời của ý thức, bao gồm hai yếu tố không thể tách rời:
- Bộ óc người: Bộ óc người là một dạng vật chất sống đặc biệt, có tổ chức cao, trải qua quá trình tiến hóa lâu dài về mặt sinh vật- xã hội. Ý thức là thuộc tính của riêng dạng vật chất này. Ý thức phụ thuộc vào hoạt động của bộ óc con người, nên khi óc bị tổn thương thì hoạt động ý thức không diễn ra bình thường hoặc rối loạn.

-Sự tác động của thế giới khách quan lên bộ não người: trong tự nhiên, mọi đối tượng vật chất đều có thuộc tính chung, phổ biến nhất là phản ánh. Nói một cách dễ hiểu, phản ánh chính là sự chép lại, chụp lại, kể lại một cái gì đó. Phản ánh của bộ óc con người có trình độ cao hơn, phức tạp hơn so với các dạng vật chất khác. Không có ảnh hưởng của thế giới bên ngoài đến các giác quan thì không có hoạt động ý thức nào có thể diễn ra thông qua não bộ.

Như vậy, nguồn gốc tự nhiên chính là sự thống nhất của 2 yếu tố: cần có bộ óc người (cơ quan phản ánh) và thế giới khách quan (đối tượng phản ánh). V.I. Lênin đã tổng kết rất chuẩn về mối quan hệ này trong một câu nổi tiếng: *"Cảm giác là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan"*. Tức là nó "chủ quan" về hình thức (vì nó nằm trong đầu mình), nhưng "khách quan" về nội dung (vì nó chép lại từ thế giới bên ngoài).

1.2.2.2. Nguồn gốc xã hội

Lao động và ngôn ngữ chính là nhân tố cơ bản nhất, trực tiếp tạo thành nguồn gốc xã hội của ý thức:
- Lao động có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển ý thức cũng như tri thức. Nhờ lao động mà các giác quan của con người phát triển, cơ cấu thức ăn thay đổi(từ ăn thịt sống thành thịt được nấu chín, có thêm gia vị...). Từ những quá trình vận động và phát triển qua những giai đoạn đã giúp con người phát hiện ra các quy luật, thuộc tính của thế giới, lao động không chi tạo ra vật chất mà nó còn làm cho tay chân và cách làm việc dẻo dai và chuyên nghiệp hơn nhưng đặc biệt hơn hết là nó 'bắt' bộ óc phải suy nghĩ làm sao, làm thế nào và đó chính là quá trình phát triển lên, tiến hóa lên để nâng cấp bộ. Chính vì vậy mà Ph. Ăngghen mới có câu chốt hạ kinh điển: ***"Lao động đã sáng tạo ra bản thân con người"***. (Tức là lao động tạo ra con người xã hội, tạo ra ý thức). [Ph. Ăngghen (1876), "Tác dụng của lao động trong quá trình chuyển biến từ vượn thành người", *Các Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1994, **t. 20, tr. 641.]**

-Ngôn ngữ: Không tự nhiên mà có, nó ra đời cùng với lao động và từ nhu cầu của lao động. Ngôn ngữ như là cái vỏ của tư duy, không có ngôn ngữ thì

không thể có sự trao đổi, giao tiếp giữa con người với người từ vấn đề ấy thì tri thức không thể được tạo ra và không thể nào được phát triển, lưu giữ và được tiếp nhận. Các Mác cũng gọi ngôn ngữ là *"ý thức thực tiễn"* (tức là ý thức mà người khác có thể thấy được, nghe được). [*Các Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, t. 3, tr. 30.]

Tóm lại, lao động và ngôn ngữ là hai yếu tố xã hội không thể tách rời. *Lao động* trực tiếp tạo ra tri thức và phát triển bộ óc. *Ngôn ngữ* là công cụ để hình thành, lưu giữ và lan truyền tri thức đó. Đây chính là nguồn gốc quyết định làm cho ý thức con người khác xa với suy nghĩ và hành động với động vật.

1.2.3. Bản chất của tri thức

-Tri thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Ý thức chỉ là "hình ảnh" về hiện thực khách quan trong óc người. Ý thức phản ánh thế giới khách quan, ý thức không phải là sự vật, mà chỉ là "hình ảnh" của sự vật ở trong óc người. Về nội dung mà ý thức phản ánh là khách quan, còn hình thức phản ánh là chủ quan. Ý thức là cái vật chất bên ngoài di chuyển vào trong đầu óc của con người và được cải biến đi ở trong đỏ.

-Tri thức phụ thuộc vào thực tại khách quan:

+ Tri thức thể hiện tính sáng tạo . Trên cơ sở những cái đã có trước, ý thức có khả năng tạo ra tri thức mới về sự vật, có thể tưởng tượng ra cái không có trong thực tế, có thể tiên đoán, dự báo tương lai, có thể tạo ra những ảo tưởng, những huyền thoại, những giả thuyết lý thuyết khoa học hết sức trừu tượng và khái quát cao.

+ Ý thức là một hiện tượng xã hội. Sự ra đời, tồn tại của ý thức gắn liền với hoạt động thực tiễn, chịu sự chi phối không chỉ các quy luật sinh học mà chủ yếu là của quy luật xã hội, do nhu cầu giao tiếp xã hội và các điều kiện sinh hoạt hiện thực của con người quy định. Ý thức mang bản chất xã hội.

CHƯƠNG II: VAI TRÒ CỦA TRI THỨC TRONG HOẠT ĐỘNG THỰC TIỄN VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ(HOẶC KINH DOANH Ở VIỆT NAM HIỆN

2.1. Vai trò của tri thức trong hoạt động thực tiễn

Tri thức là tổng thể những hiểu biết, kiến thức của con người về thế giới tự nhiên, xã hội và bản thân con người. Tri thức có vai trò quan trọng trong mọi lĩnh vực của đời sống, trong đó có hoạt động thực tiễn của con người, cụ thể như sau:

- Tri thức là cơ sở để con người nhận thức thế giới và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Tri thức giúp con người hiểu biết về thế giới xung quanh, từ đó có thể đưa ra những nhận định, phán đoán chính xuất về các sự vật, hiện tượng. Giúp con người tìm ra cách thức giải quyết các vấn đề thực tiễn một cách hiệu quả.

-Tri thức là động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Tri thức là nguồn lực quan trọng để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, khoa học- kĩ thuật, văn hóa-xã hội. Tri thức giúp con người tạo ra những sản phẩm mới, nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của con người:

+ Trong sản xuất: Tri thức giúp con người phát minh ra máy móc, thiết bị mới, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất. Con người sẽ sản xuất ra những sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế có khả năng cạnh tranh cao hơn.
+ Trong khoa học-kỹ thuật: Tri thức giúp con người khám phá ra những quy luật tự nhiên; phát minh ra lý thuyết, phương pháp, công nghệ mới, từ đó có thể ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, đời sống.
+ Trong văn hóa-xã hội: Tri thức giúp con người nâng cao nhận thức, hiểu biết về thế giới xung quanh, phát hiện ra giá trị văn hóa mới, nâng cao đời sống tinh thần, từ đó có thể xây dựng cuộc sống văn minh, tiến bộ.

- Tri thức cho phép con người giao tiếp và chia sẻ thông tin với nhau. Từ việc truyền đạt kiến thức chuyên môn đến việc chia sẻ kinh nghiệm và ý tưởng, trí thức góp phần tạo ra một cộng đồng học tập và cùng nhau phát triển tiến bộ.

Trong thời đại ngày nay, khi tri thức và công nghệ đang phát triển với tốc độ chóng mặt, vai trò của tri thức trong hoạt động thực tiễn càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Tri thức là nguồn cảm hứng và nền tảng thành công cho sự phát triển bền vững của mỗi con người. Mỗi người hãy luôn luôn học tập với phương châm học nữa học mãi, tích lũy cho mình những tri thức để phát triển bản thân và đóng góp những giá trị của bản thân từ những tri thức đó để đất nước ngày càng thịnh vượng.

2.2. Vai trò của tri thức trong hoạt động thực tiễn phát triển kinh tế(hoặc kinh doanh) ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Vai trò của tri thức khoa học, công nghệ trong việc nâng cao hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế

Cách đây khoảng 20-30 năm, nếu hỏi một người nào đó về tri thức khoa học công nghệ, sẽ chẳng ngạc nhiên khi câu trả lời nhận được là một cái lắc đầu. Còn hiện nay, mỗi người trong chúng ta chắc chẳng còn lạ lẫm gì nữa với khái niệm này vì chúng ta có thể bắt gặp nó từng ngày, từng giờ trên các phương tiện thông tin đại chúng và ngay cả trong cuộc sống thường ngày. Quả thực, vai trò của tri thức khoa học công nghệ ngày càng trở lên to lớn. Nó đang có những bước phát triển chóng mặt. Tri thức khoa học công nghệ ngày nay đã và đang trở thành nguồn lực chủ yếu của sản xuất hiện đại. Một đất nước được xem là phát triển hay không thì không chỉ dựa vào tổng sản phẩm quốc dân của họ cao hay thấp mà chủ yếu dựa vào sức mạnh công nghệ tương đối của họ. Việc xây dựng một cơ cấu kinh tế theo hướng mở cửa và một nền sản xuất công nghiệp hiện đại dựa trên sự phát triển của khoa học công nghệ là con đường ngắn nhất, hiệu quả nhất quyết định thành công của quy trình phát triên công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Vậy tri thức khoa học,công nghệ

Trước hết, tri thức khoa học và công nghệ là những kiến thức được thu thập, nghiên cứu và ứng dụng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Tri thức khoa học bao gồm các nguyên lý, quy luật và kiến thức được xây dựng dựa trên quá trình nghiên cứu và thử nghiệm. Nó cung cấp cơ sở lý thuyết và hiểu biết về các lĩnh vực như vật lý, hóa học, sinh học, toán học và các ngành khoa học khác. Công nghệ là ứng dụng của tri thức khoa học vào việc tạo ra các sản phẩm, quy trình và dịch vụ mới hoặc cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội. Nó bao gồm việc áp dụng tri thức khoa học để phát triển và sử dụng các công cụ, máy móc, thiết bị và quy trình. Tri thức khoa học và tri thức công nghệ có mối quan hệ bền chặt, khăng khít với nhau.

Tri thức khoa học, công nghệ là nền tảng cho sự phát triển của sản xuất, kinh doanh và mọi hoạt động của con người. Trong lĩnh vực kinh tế, tri thức khoa học, công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế, cụ thể như sau:

- Tăng năng suất lao động: Tri thức khoa học, công nghệ giúp con người phát minh ra các máy móc, thiết bị hiện đại, từ đó thay thế sức lao động thủ công, nâng cao năng suất lao động. Ví dụ; trong sản xuất nông nghiệp, việc ứng dụng các giống cây trồng, vật nuôi mới, các

phương pháp canh tác tiên tiến đã giúp tăng trưởng năng suất đạt hiệu quả kinh tế cao giảm chi phí sản xuất. ***Dẫn chứng điển hình*** ở Việt Nam đó là "Nền kinh tế số Việt Nam năm 2024 đóng góp 18,3% vào GDP, với tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử khoảng 24,5%". (Theo báo cáo e-Conomy SEA 2024 của Google, Temasek và Bain & Company, quy mô nền kinh tế số Việt Nam đạt mốc $36 tỷ USD trong năm 2024)

- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế: Tri thức khoa học, công nghệ giúp con người phát triển các ngành công nghiệp mới, dịch vụ mới, từ đó thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Ví dụ; việc ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông đã thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ như thương mại điện tử, du lịch trực tuyến,...
- Tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới: Tri thức khoa học, công nghệ giúp con người phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, từ đó mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng thu nhập, nâng cao đời sống của nhân dân. Ví dụ; việc phát triển các sản phẩm công nghệ cao như điện thoại thông minh, máy tính bảng, ô tô điện,... đã tạo ra thị trường tiêu thụ rộng lớn, mang lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.
- Tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên: Tri thức khoa học, công nghệ giúp con người phát triển các công nghệ khai thác, chế biến tài nguyên thiên nhiên một cách hiệu quả, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

2.2.2. Vai trò của tri thức với việc nâng cao tính cạnh tranh kinh tế

Cạnh tranh là sự ganh đua giữa các chủ thể tham gia sản xuất kinh doanh, tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ để thực hiện tốt nhất lợi ích của mình. Cạnh tranh là một trong những quy luật của nền kinh tế thị trường. Khi thực hiện chuyển đổi nền kinh tế cũ sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải chấp nhận những quy luật của nền kinh tế thị trường trong đó có quy luật cạnh tranh. Và cạnh tranh là một quy luật khách quan, rất cần thiết để phát triển kinh tế. Việt Nam của chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong quá trình phát triển kinh tế. Nhưng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế nước ta còn yếu. Việt Nam cần phải nâng cao năng lực cạnh tranh để có thể phát triển nền kinh tế thị trường.

Hiện nay, cạnh tranh chiến lược kinh tế giữa các nước lớn có xu hướng ngày càng gay gắt và quyết liệt. Trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI, nhiều sự kiện và nhân tố mới đã xuất hiện, tác động mạnh mẽ và đa chiều đến nền kinh tế toàn cầu. Những cọ xát, va chạm và đan cài lợi ích phức tạp giữa các nước lớn ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình kinh tế - xã hội của các nước vừa

và nhỏ, các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Trong cơ chế thị trường, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển bền vững thì không thể duy trì một biện pháp cạnh tranh cứng nhắc. Những mối quan hệ tốt chính là những tài sản quý giá của doanh nghiệp. Do sự biến đổi không ngừng của môi trường kinh doanh, các doanh nghiệp luôn phải có sự điều chỉnh thích hợp với những biến động đó để có thể hạn chế tối thiểu những điểm yếu, phát huy tối đa những mặt mạnh của mình để chủ động trong kinh doanh, khai thác tốt những cơ hội trên thị trường.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh ngày càng gay gắt, tri thức đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc nâng cao tính cạnh tranh, kinh tế của các quốc gia, doanh nghiệp.

- Đối với các quốc gia:
    + Tri thức giúp con người thay thế sức lao động thủ công, nâng cao năng suất lao động. Năng suất lao động cao giúp các quốc gia giảm chi phí sản xuất, tăng năng lực cạnh tranh của các sản phẩm, dịch vụ của các quốc gia trên thị trường quốc tế
    + Tri thức thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại. Một cơ cấu kinh tế hiện đại, với tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ cao sẽ giúp quốc gia nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế.
    + Tri thức giúp các quốc gia phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Các sản phẩm, dịch vụ mới có giá trị cao, có tính cạnh tranh cao sẽ giúp quốc gia tăng thu nhập, nâng cao vị thế trên thị trường quốc tế.

-Đối với các doanh nghiệp:

    + Các sản phẩm, dịch vụ có giá trị cao, chất lượng, có tính cạnh tranh cao sẽ giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, lợi nhuận và chiếm lĩnh thị trường.
    + Tri thức giúp doanh nghiệp phát triển các quy trình sản xuất mới, không ngừng tìm kiếm và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất từ đó kéo theo sự thay đổi về trình độ tay nghề, tri thức của người lao động.
    + Tri thức giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị (khoa học, kỹ thuật, con người), từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Điều này giúp doanh nghiệp chủ động trong mọi rủi ro, cạnh tranh tôt hơn trên thị trường.

Tri thức là nguồn lực quan trọng, có vai trò quyết định trong việc nâng cao tính cạnh tranh kinh tế của quốc gia, doanh nghiệp. Để phát huy vai trò của tri thức trong việc nâng cao tính cạnh tranh kinh tế, cần tăng cường đầu tư cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ.

PHẦN III: KẾT LUẬN

Kinh tế thế giới đang bước vào một thời đại mới, một trình độ mới. Đó là trình độ mà "nhân tố quan trọng nhất là việc chiếm hữu, phân phối nguồn trí lực và việc sáng tạo, phân phối và sử dụng tri thức trong các ngành kỹ thuật cao". Tiêu chí chủ yêu của nó là lấy tri thức, trí óc làm yếu tố then chốt để phát triển kinh tế và tồn tại trực tiếp giống như các yếu tố sức lao động và tài nguyên. Đó là thời đại mà "Tri thức đã trở thành động lực chủ yếu của sự phát triển xã hội", "Tri thức là tài nguyên là tư bản", "Tri thức là tâm điểm của cạnh tranh và là nguồn lực dẫn dắt cho sự tăng trưởng dài hạn"... dẫn tới những thay đổi lớn trong cách tổ chức sản xuất, cấu trúc thị trường, lựa chọn nghề nghiệp.

Góp phần vào chiến lược phát triển kinh tế, tiến nhanh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa chúng ta cần phải nghiên cứu tri thức, tìm hướng đi đúng đắn cho nền kinh tế tri thức, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh đất nước, phù hợp với khu vực, với thế giới và thời đại trong tổng thể các mối liên hệ, trong sự phát triển vận động không ngừng của nền kinh tế tri thức. Nhà văn Francis Bacon đã từng nói: "Tri thức là sức mạnh". Sau này, Lênin, một nhà Triết học, một nhà chính trị vĩ đại đã phát triển thành: "Tri thức là sức mạnh. Ai có tri thức người đó có sức mạnh". Vì thể hãy đầu tư vào nâng cao tri thức, quản lý tri thức hiệu quả và khuyến khích hợp tác, chia sẻ kiến thức đề xây dựng một nền kinh tế thông minh, linh hoạt, bền vững; góp phần xây dựng một xã hội phồn vinh, tươi đẹp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Giáo trình Triết học Mác-Lênin** (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB. Chính trị quốc gia sự thật

2. Tạp chí điện tử Lý luận Chính Trị

3. Tạp chí Cộng Sản

4. **Phương pháp nhận thức biện chứng**, A.P.Septulin(2017), NXB. Sách giáo khoa Mác-Lênin

5. **Các Mác và Ph. Ăngghen** (1995), *Toàn tập, t. 3*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

6. **Các Mác và Ph. Ăngghen** (1994), *Toàn tập, t. 20*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

7. **Các Mác và Ph. Ăngghen** (1995), *Toàn tập, t. 22*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

8. **Các Mác và Ph. Ăngghen** (1998), *Toàn tập, t. 46 (Phần II)*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

9. **V.I. Lênin** (1977), *Toàn tập, t. 8*, NXB. Tiến bộ, Mátxcơva.

10. **V.I. Lênin** (1978), *Toàn tập, t. 18*, NXB. Tiến bộ, Mátxcơva.